



TÓM LƯỢC

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU (EVFTA)

I. TỔNG QUAN

1. Diễn tiến

- *Giai đoạn trước 10/2012*: Hai bên thực hiện các hoạt động kỹ thuật (nghiên cứu khả thi...) chuẩn bị cho đàm phán
- *Tháng 06/2012*: Hai bên tuyên bố khởi động đàm phán
- *Từ tháng 10/2012 – tháng 8/2015*: Hai bên đã tiến hành 14 vòng đàm phán chính thức và nhiều phiên đàm phán giữa kỳ.
- *Ngày 4/8/2015*: Hai bên tuyên bố Kết thúc cơ bản đàm phán EVFTA
- *Hiện tại*: Hai bên đang giải quyết nốt các vấn đề kỹ thuật và hoàn thiện văn bản hiệp định để có thể ký kết hiệp định trong năm 2015.

2. Đối tác

- EU là một liên minh gồm 28 quốc gia ở khu vực châu Âu và là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Cho tới thời điểm hiện tại, Việt Nam chưa có FTA nào với các quốc gia trong khu vực này.
- EU đã từng khởi động đàm phán FTA với khu vực ASEAN từ năm 2007, tuy nhiên đến năm 2009 đàm phán đã bị dừng lại.

Về quan hệ song phương với từng quốc gia ASEAN, hiện EU đã hoàn tất đàm phán FTA với Singapore, kết thúc cơ bản đàm phán FTA với Việt Nam và đang đàm phán FTA với Thái Lan và Malaysia.

- EU hiện là đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam. Đặc điểm nổi bật trong cơ cấu xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU là tính bổ sung rất lớn, ít mang tính cạnh tranh đối đầu trực tiếp.

II. TÓM LƯỢC MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TRONG EVFTA

EVFTA là một FTA thế hệ mới, với phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao. Các lĩnh vực cam kết chính trong EVFTA bao gồm:

- ✓ Thương mại hàng hóa, bao gồm:
 - + các quy định chung (gọi là cam kết lời văn) và
 - + các biểu cam kết thuế quan cụ thể - gọi là cam kết mở cửa thị trường)
- ✓ Quy tắc xuất xứ, bao gồm:
 - + các nguyên tắc xác định xuất xứ chung
 - + các quy tắc xuất xứ riêng cho những loại hàng hóa nhất định
- ✓ Hải quan và thuận lợi hóa thương mại
- ✓ Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)
- ✓ Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)
- ✓ Thương mại dịch vụ (lời văn về quy định chung và cam kết mở cửa thị trường)
 - + Các quy định chung (gọi là cam kết lời văn) và
 - + Các biểu cam kết mở cửa dịch vụ cụ thể - gọi là cam kết mở cửa thị trường)
- ✓ Đầu tư
 - + Các nguyên tắc chung về đối xử với nhà đầu tư
 - + Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài
- ✓ Phòng vệ thương mại
- ✓ Cạnh tranh
- ✓ Doanh nghiệp nhà nước
- ✓ Mua sắm của Chính phủ
- ✓ Sở hữu trí tuệ
- ✓ Phát triển bền vững (bao gồm cả môi trường, lao động),
- ✓ Các vấn đề pháp lý
- ✓ Hợp tác và xây dựng năng lực

Dưới đây là tóm lược một số vấn đề chính trong EVFTA:

1. Thương mại hàng hóa

1.1. Cam kết mở cửa thị trường hàng hóa của EU

- EU cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi EVFTA có hiệu lực đối với hàng hóa của Việt Nam thuộc **85,6%** số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương **70,3%** kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU;
- Trong vòng **7 năm** kể từ khi EVFTA có hiệu lực, EU cam kết xóa bỏ **99,2%** số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương **99,7%** kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU.

Đối với **0,3%** kim ngạch xuất khẩu còn lại (*bao gồm: 1 số sản phẩm gạo, ngô ngọt, tỏi, nấm, đường và cá sản phẩm chứa hàm lượng đường cao, tinh bột sắn, cá ngừ đóng hộp*), EU cam kết mở cửa cho Việt Nam theo hạn ngạch thuế quan (TRQs) với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

Bảng 1 – Tổng hợp cam kết mở cửa của EU đối với một số nhóm hàng hóa quan trọng của Việt Nam

Sản phẩm	Cam kết của EU
Dệt may	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm <u>Lưu ý:</u> <i>Quy tắc xuất xứ: phải sử dụng vải sản xuất tại VN</i> <i>Đặc biệt: được phép sử dụng thêm vải sản xuất tại Hàn Quốc¹</i>
Giày dép	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Thủy sản (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên)	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Cá ngừ đóng hộp	Hạn ngạch thuế quan
Gạo xay xát, gạo chưa xay xát và gạo thơm	Hạn ngạch thuế quan
Gạo tấm	Xóa bỏ thuế theo lộ trình
Sản phẩm từ gạo	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm

¹ Hàn Quốc là nước đã có FTA song phương với EU và cũng là một nguồn cung nguyên phụ liệu đáng kể cho dệt may Việt Nam.

Ngô ngọt	Hạn ngạch thuế quan
Tinh bột sắn	Hạn ngạch thuế quan
Mật ong	Xóa bỏ thuế ngay
Đường và các sản phẩm chứa hàm lượng đường cao	Hạn ngạch thuế quan
Rau củ quả, rau của quả chế biến, nước hoa quả	Phần lớn xóa bỏ thuế quan ngay
Tỏi	Hạn ngạch thuế quan
Túi xách, vali	Phần lớn xóa bỏ thuế quan ngay
Sản phẩm nhựa	Phần lớn xóa bỏ thuế quan ngay
Sản phẩm gốm sứ thủy tinh	Phần lớn xóa bỏ thuế quan ngay

*Nguồn: Bộ Công Thương Việt Nam
Ủy ban châu Âu*

1.2. Cam kết mở cửa thị trường hàng hóa của Việt Nam

- Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan ngay sau khi EVFTA có hiệu lực cho hàng hóa của EU thuộc **65%** số dòng thuế trong biểu thuế;
- Trong vòng **10 năm** kể từ khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ **trên 99%** số dòng thuế trong biểu thuế. Số dòng thuế còn lại sẽ áp dụng hạn ngạch thuế quan với mức thuế trong hạn ngạch là 0%.

Bảng 2 – Tổng hợp cam kết mở cửa của Việt Nam đối với một số nhóm hàng hóa quan trọng của EU

Sản phẩm	Cam kết của Việt Nam
Hầu hết máy móc, thiết bị, đồ điện gia dụng	Xóa bỏ thuế ngay hoặc trong vòng 5 năm
Xe máy có dung tích xy-lanh trên 150 cm ³	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Ô tô (trừ loại có dung tích xi-lanh lớn)	Xóa bỏ thuế trong vòng 10 năm
Ô tô có dung tích xi-lanh lớn (trên 3000 cm ³ với loại dùng xăng hoặc trên 2500 cm ³ với loại dùng diesel)	Xóa bỏ thuế trong vòng 9 năm
Phụ tùng ô tô	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Dược phẩm	Khoảng một nửa số dòng thuế nhóm dược phẩm sẽ được xóa bỏ thuế ngay, phần còn lại trong vòng 7 năm
Vải dệt (textile fabric)	Xóa bỏ thuế ngay
Hóa chất	Khoảng 70% số dòng thuế nhóm hóa chất sẽ được xóa bỏ thuế ngay, phần còn lại trong vòng 3, 5 hoặc 7 năm.
Rượu vang, rượu mạnh, bia	Xóa bỏ thuế tối đa là trong vòng 10 năm
Rượu và đồ uống có cồn	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Thịt lợn đông lạnh	Xóa bỏ thuế trong vòng 7 năm
Thịt bò	Xóa bỏ thuế trong vòng 3 năm
Thịt gà	Xóa bỏ thuế trong vòng 10 năm
Các sản phẩm sữa	Xóa bỏ thuế <u>tối đa</u> là trong vòng 5 năm
Thực phẩm chế biến	Xóa bỏ thuế <u>tối đa</u> là trong vòng 7 năm

*Nguồn: Ủy ban châu Âu
Bộ Công Thương Việt Nam*

1.3. Cam kết về thuế xuất khẩu:

Việt Nam cam kết xóa bỏ hầu hết các loại thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu sang EU, và cam kết không tăng thuế đối với các sản phẩm quan còn lại (trong đó có dầu thô và than đá).

1.4. Cam kết về hàng rào phi thuế

- Rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT):

+ Hai Bên thỏa thuận tăng cường thực hiện các quy tắc của Hiệp định về các Rào cản kỹ thuật đối với thương mại của WTO (Hiệp định TBT), trong đó Việt Nam cam kết tăng cường sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong ban hành các quy định về TBT của mình.

+ Hiệp định có 01 Phụ lục riêng quy định về các hàng rào phi thuế đối với lĩnh vực ô tô, trong đó Việt Nam cam kết công nhận toàn bộ Chứng chỉ hợp chuẩn đối với ô tô (COC) của EU sau 5 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực;

+ Việt Nam cam kết chấp nhận nhãn “Sản xuất tại EU” (Made in EU) cho các sản phẩm phi nông sản (trừ dược phẩm) đồng thời vẫn chấp nhận nhãn xuất xứ cụ thể ở một nước EU.

- Các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS):

Việt Nam và EU đạt được thỏa thuận về một số nguyên tắc về SPS nhằm tạo điều kiện cho hoạt động thương mại đối với các sản phẩm động vật, thực vật.

Đặc biệt, Việt Nam công nhận EU như một khu vực thống nhất khi xem xét các vấn đề về SPS.

- Các biện pháp phi thuế quan khác

Hiệp định cũng bao gồm các cam kết theo hướng giảm bớt hàng rào thuế quan khác (ví dụ về cam kết về cấp phép xuất khẩu/nhập khẩu, thủ tục hải quan...) nhằm tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai Bên.

1.5. Phụ lục về dược phẩm

Hiệp định có một Phụ lục riêng về dược phẩm (sản phẩm xuất khẩu quan trọng của EU, chiếm 9% tổng nhập khẩu từ EU và Việt Nam) trong đó:

- Hai Bên cam kết về một số biện pháp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại dược phẩm giữa EU và Việt Nam;

- Việt Nam cam kết cho phép các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được nhập khẩu và bán thuốc cho các nhà phân phối và các nhà bán buôn ở Việt Nam
- Việt Nam có các cam kết về việc cho phép nhà thầu EU tham gia các gói thầu được phẩm.

2. Thương mại dịch vụ và tư

Cam kết của Việt Nam và EU trong EVFTA về thương mại dịch vụ đầu tư hướng tới việc tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp hai bên, trong đó:

- Cam kết của EU cho Việt Nam: Cao hơn cam kết của EU trong WTO và tương đương với mức cao nhất của EU trong các FTA gần đây của EU
- Cam kết của Việt Nam cho EU: Cao hơn cam kết của Việt Nam trong WTO và ít nhất là ngang bằng với mức mở cửa cao nhất mà Việt Nam cho các đối tác khác trong các đàm phán FTA hiện tại của Việt Nam (bao gồm cả TPP);
- Các cam kết về bảo hộ đầu tư và giải quyết tranh chấp vẫn đang được hai bên đàm phán (chưa kết thúc).

Bảng 3: Một số cam kết mở cửa dịch vụ và đầu tư của Việt Nam cho EU trong EVFTA

Về dịch vụ:

Các cam kết về mở cửa: Trong EVFTA, Việt Nam cam kết mở cửa rộng hơn cho các nhà cung cấp dịch vụ của EU so với trong WTO trong các lĩnh vực:

- Dịch vụ kinh doanh (business services)
- Dịch vụ môi trường
- Dịch vụ bưu chính và chuyển phát
- Ngân hàng
- Bảo hiểm
- Vận tải biển

Việt Nam cũng cam kết một loạt các quy tắc ràng buộc liên quan đến các lĩnh vực như dịch vụ tài chính, viễn thông, vận tải biển và bưu chính.

Đặc biệt: EVFTA sẽ bao gồm một điều khoản cho phép các cam kết cao nhất của Việt Nam trong các FTA đang đàm phán tại thời điểm hiện tại sẽ được đưa vào trong EVFTA.

Về đầu tư:

Việt Nam cam kết mở cửa rộng hơn cho đầu tư từ EU trong một số ngành sản xuất như:

- Thực phẩm và đồ uống
- Phân bón và hợp chất nitơ
- Săm lốp
- Găng tay và sản phẩm nhựa
- Đồ gốm
- Vật liệu xây dựng

Đối với ngành sản xuất máy móc, Việt Nam cam kết dỡ bỏ các hạn chế đối với việc lắp ráp động cơ hàng hải, máy móc nông nghiệp, đồ gia dụng và đối với sản xuất xe đạp.

Việt Nam cũng đưa ra một số cam kết về tái chế.

Nguồn: Ủy ban châu Âu

3. Mua sắm của Chính phủ

- Hiệp định EVFTA bao gồm các nguyên tắc về mua sắm của Chính phủ (đấu thầu công) tương đương với quy định của Hiệp định mua sắm của Chính phủ của WTO (GPA).
- Với một số nghĩa vụ như đấu thầu qua mạng, thiết lập cổng thông tin điện tử để đăng tải thông tin đấu thầu...: Việt Nam sẽ thực hiện theo lộ trình; EU cũng cam kết dành hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để thực thi các nghĩa vụ này.
- Việt Nam bảo lưu có thời hạn quyền dành riêng một tỷ lệ nhất định giá trị các gói thầu cho nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ và lao động trong nước.

Bảng: Một số cam kết mở cửa thị trường mua sắm công của Việt Nam trong EVFTA

Việt Nam cam kết cho phép các nhà thầu EU được tham gia thầu trong các gói thầu của:

- Các Bộ ngành, bao gồm cả các gói thầu trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng như đường xá và cảng biển

- Các doanh nghiệp nhà nước quan trọng, ví dụ các doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối điện và quản lý tàu hỏa trên toàn quốc
- 34 bệnh viện công
- Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh

Nguồn: Ủy ban châu Âu

4. Sở hữu trí tuệ

- Phần sở hữu trí tuệ trong EVFTA gồm các cam kết về bản quyền, phát minh, sáng chế, cam kết liên quan tới dược phẩm và chỉ dẫn địa lý... với mức bảo hộ cao hơn so với WTO; tuy nhiên các mức này về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam
- Về chỉ dẫn địa lý, Việt Nam cam kết bảo hộ 169 chỉ dẫn địa lý của EU và EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm. Đây là điều kiện để một số chủng loại nông sản nổi bật của Việt Nam tiếp cận và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.
- Về dược phẩm, Việt Nam cam kết tăng cường bảo hộ độc quyền dữ liệu cho các sản phẩm dược phẩm của EU, và nếu cơ quan có thẩm quyền chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm thì thời hạn bảo hộ sáng chế có thể được kéo dài thêm nhưng không quá 2 năm.

5. Doanh nghiệp nhà nước và trợ cấp

- Về doanh nghiệp nhà nước (DNNN):

Hai Bên thống nhất về các nguyên tắc đối với các DNNN; các nguyên tắc này, cùng với các nguyên tắc về trợ cấp, hướng tới việc bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các DNNN và doanh nghiệp dân doanh khi các DNNN tham gia vào các hoạt động thương mại.

- Đối với các khoản trợ cấp trong nước: Sẽ có các quy tắc về minh bạch và có thủ tục tham vấn.

6. Thương mại và phát triển bền vững

EVFTA bao gồm một chương khá toàn diện về thương mại và phát triển bền vững, bao gồm một số nội dung quan trọng như:

- Cam kết thực thi hiệu quả các tiêu chuẩn cơ bản của Tổ chức Lao động Thế giới (ILO), các Công ước của ILO (không chỉ các Công ước cơ bản), các Hiệp định Đa phương về Môi trường mà mỗi Bên đã ký kết/gia nhập;
- Cam kết gia nhập/ký kết các Công ước cơ bản của ILO mà mỗi Bên chưa tham gia;
- Cam kết sẽ không vì mục tiêu thu hút thương mại và đầu tư mà giảm bớt các yêu cầu hoặc phương hại tới việc thực thi hiệu quả các luật về môi trường và lao động trong nước;
- Thúc đẩy Trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp, có dẫn chiếu tới các thông lệ quốc tế về vấn đề này;
- Một điều khoản về biến đổi khí hậu và các cam kết bảo tồn và quản lý bền vững đa dạng sinh học (bao gồm động thực vật hoang dã), rừng (bao gồm khai thác gỗ bất hợp pháp), và đánh bắt cá.
- Các cơ chế tăng cường sự tham gia của xã hội dân sự vào việc thực thi Chương này, cả từ góc độ nội địa (tham vấn các nhóm tư vấn nội địa) và song phương (các diễn đàn song phương);
- Các điều khoản tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình.

7. Cơ chế giải quyết tranh chấp

- EVFTA thiết lập một cơ chế giải quyết các tranh chấp có thể phát sinh giữa Việt Nam và EU trong việc diễn giải và thực thi các cam kết của Hiệp định;
- + Cơ chế này áp dụng đối với hầu hết các Chương của Hiệp định và được đánh giá trong một số mặt là nhanh và hiệu quả hơn cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO;

- + Cơ chế này được thiết kế với tính chất là phương thức giải quyết tranh chấp cuối cùng, khi các bên không giải quyết được tranh chấp bằng các hình thức khác;
- + Cơ chế này bao gồm các quy trình và thời hạn cố định để giải quyết tranh chấp, theo đó hai Bên trước tiên phải tham vấn, nếu tham vấn không đạt được kết quả thì một trong hai Bên có thể yêu cầu thiết lập một Ban hội thẩm bao gồm các chuyên gia pháp lý độc lập;
- EVFTA cũng dự liệu một cơ chế khác mềm dẻo hơn: cơ chế trung gian, để xử lý các vấn đề liên quan tới các biện pháp có ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư và thương mại song phương.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TỪ EVFTA ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

1. Cơ hội

- *Về xuất khẩu*, mặc dù hiện tại EU là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, thị phần hàng hóa của Việt Nam tại khu vực này vẫn còn rất khiêm tốn, bởi năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam (đặc biệt là năng lực cạnh tranh về giá) còn hạn chế. Vì vậy, nếu được xóa bỏ tới trên 99% thuế quan theo EVFTA, các doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ hội tăng khả năng cạnh tranh về giá của hàng hóa khi nhập khẩu vào khu vực thị trường quan trọng này.

Các ngành dự kiến sẽ được hưởng lợi nhiều nhất là những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam mà hiện EU vẫn đang duy trì thuế quan cao như dệt may, giày dép và hàng nông sản.

- *Về nhập khẩu*, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ được lợi từ nguồn hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu với chất lượng tốt và ổn định với mức giá hợp lý hơn từ EU. Đặc biệt, các doanh nghiệp sẽ có cơ hội được tiếp cận với nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ/kỹ thuật cao từ các nước EU, qua đó để nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm của mình.

Đồng thời, hàng hóa, dịch vụ từ EU nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tạo ra một sức ép cạnh tranh để doanh nghiệp Việt Nam nỗ lực cải thiện năng lực cạnh tranh của mình.

- *Về Đầu tư*: Môi trường đầu tư mở hơn và thuận lợi hơn, triển vọng xuất khẩu hấp dẫn hơn sẽ thu hút đầu tư FDI từ EU vào Việt Nam nhiều hơn.
- *Về Môi trường kinh doanh*: Với việc thực thi các cam kết trong EVFTA về các vấn đề thể chế, chính sách pháp luật sau đường biên giới, môi trường kinh doanh và chính sách, pháp luật Việt Nam sẽ có những thay đổi, cải thiện theo hướng minh bạch hơn, thuận lợi và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế.

2. Thách thức:

Với EVFTA, cơ hội mở ra rất lớn nhưng các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ gặp phải không ít thách thức bởi:

- Các yêu cầu về quy tắc xuất xứ có thể khó đáp ứng: Thông thường hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA thì nguyên liệu phải đáp ứng được một tỷ lệ về hàm lượng nội khối nhất định (nguyên liệu có xuất xứ tại EU và/hoặc Việt Nam). Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam bởi nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc ASEAN.
- Các rào cản TBT, SPS và yêu cầu của khách hàng: EU là một thị trường khó tính. Khách hàng có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm. Các yêu cầu bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường...của EU rất khắt khe và không dễ đáp ứng. Vì vậy, dù có được hưởng lợi về thuế quan thì hàng hóa của Việt Nam cũng phải hoàn thiện rất nhiều về chất lượng để có thể vượt qua được các rào cản này.
- Nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại: Thông thường khi rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ nữa, doanh nghiệp ở thị trường nhập khẩu có xu hướng sử dụng nhiều hơn các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Và EU cũng là một trong những thị trường có “truyền thống” sử dụng các công cụ này.
- Sức ép cạnh tranh từ hàng hóa và dịch vụ của EU: Mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa, dịch vụ từ EU đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khó khăn hơn ngay tại thị trường nội địa. Trên thực tế, đây là một thách thức rất lớn, bởi các doanh nghiệp EU có lợi thế hơn hẳn các doanh nghiệp Việt Nam về năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm thị trường cũng như khả năng tận dụng các FTA. Tuy nhiên, cam kết mở cửa của Việt Nam là có lộ trình, đặc biệt đối với những nhóm sản phẩm nhạy cảm, do đó EVFTA cũng là cơ hội, sức ép hợp lý để các doanh nghiệp Việt Nam điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

Tài liệu tham khảo

- Trang web Bộ Công Thương: “*Kết quả đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và EU*”, ngày 7/8/2015
- Trang web Ủy ban châu Âu: “*Memo: EU and Vietnam reach agreement on free trade deal*”, ngày 4/8/2015
- Trang web Trung tâm WTO và Hội nhập, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam